

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 2025.09.26.02/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – phường Tô hiệu – tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước mặt Suối Nậm Sập – CNCN Yên Châu
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.09.11/BBGM. Ngày 11 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr ⁺⁶) (*)	mg/l	0,0024	0,01	HACH Method 8023
6	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	< 0,116	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,1	TCCS HD – 02/01
9	Thủy Ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Chỉ số BOD ₅ (20°C) (*)	mg/l	2,54	≤ 4	TCVN 6001-1:2008
11	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	8,02	≥ 6,0	TCVN 7325:2004



12	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) (*)	mg/l	0,03	0,3	SMEWW 4500 NH.:8 &D:2017
13	Fluor (F) (*)	mg/l	< 0,05	1	SMEWW 4500 F-. B&D: 2017
14	Tổng Phosphor (TP) (*)	mg/l	0,06	$\leq 0,1$	SMEWW 4500- P-.E : 2012
15	Xyanua (CN^-) (*)	mg/l	< 0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
16	Chất hoạt động bề mặt (*)	mg/l	0,07	0,1	TCVN 6622-1:2000
17	Aldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$)(*)	$\mu\text{g/l}$	< 0,02	0,1	EPA 3510+ EPA 3630C + EPA 8081B
18	Hexachlorobenzene (C_6Cl_6) (*)	$\mu\text{g/l}$	< 0,002	0,04	
19	Dieldrin (*)	$\mu\text{g/l}$	< 0,02	0,1	
20	DDT và các dẫn xuất (*)	$\mu\text{g/l}$	< 0,02	1,0	
21	Heptachlor & Heptachloepoxide (*)	$\mu\text{g/l}$	< 0,02	0,2	
22	Phenol và các dẫn xuất của phenol (*)	mg/l	0,002	0,005	TCVN 6216:1996
23	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	mg/l	2,06	5,0	SMEWW 5520B:2017
24	Tổng Nito (TN) (*)	mg/l	0,19	$\leq 0,6$	SMEWW 4500-N.C:2017

25	Tổng hoạt độ α (*)	Bq/l	< 0,02	0,1	TCVN 6053:2011
26	Tổng hoạt độ β (*)	Bq/l	< 0,04	1,0	TCVN 6219:2011

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH

Sơn La, ngày 26 tháng 09 năm 2025

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc



Là Văn Khải



Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 03 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Thông tin và Kiểm định

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6 Chiềng Lề, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 589/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Yên Châu
 Vị trí lấy mẫu : Nước thô Suối Sập
 Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 28/T9/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 589/BB ngày 09 tháng 9 năm 2025
 Ngày phân tích : 10/9/2025 - 12/9/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7.20	6.5 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Sắt	mg/l	KPH <i>Lod:0.1</i>	0.5	TCVN 6177:1996
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	6	≤ 25	TCVN 6625:2000
4	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH <i>Lod:0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
5	Clorua	mg/l	18.3	250	TCVN 6194:1996
6	Mangan	mg/l	KPH <i>Lod:0.028</i>	0.1	PP/MN
7	COD	mg/l	3	10	PP/COD
8	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	149	≤ 1000	TCVN 6187-1:2019